

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 5 - 2021.
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Bà Trần Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 454/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1971 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2020, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th trình bày:**

Bà và ông H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1989, không có tổ chức lễ cưới và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Lý do chưa đi đăng ký kết hôn là do vợ chồng nghèo phải đi làm thuê ở nhiều nơi nên ít có thời gian về địa phương.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông H không chung thủy, thường xuyên nhậu nhẹt và đánh bà nhiều lần. Ông bà đã ly thân kể từ tháng 7/2020 đến nay. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung:

1. Huỳnh Tấn T, sinh năm 1990.
2. Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm 1992.
3. Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1996 (đã chết).

Hiện Huỳnh Tấn T và Huỳnh Thị Ngọc B đã trưởng thành nên có quyền tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Huỳnh Văn H:** Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật (thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa) nhưng ông H không giao nộp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án để giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại bản tự khai đề ngày 12/4/2021, các con của bà Th và ông H là Huỳnh Tấn T và Huỳnh Thị Ngọc B trình bày:*

Về việc ly hôn của cha mẹ thì các con không có ý kiến gì, tùy theo ý kiến của cha mẹ và quyết định của Tòa án. Về tài sản chung và nợ chung của cha mẹ: Các con không có yêu cầu hoặc đề nghị gì.

Tại phiên tòa: Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông H; Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H không có mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Huỳnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Huỳnh Văn H có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh K nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

[1.3]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Th và ông H kết hôn vào năm 1989 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Thảo và ông Hải là vợ chồng.

Ông Huỳnh Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông H không giao nộp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bà Th giao nộp để xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về con chung: Các con của bà Th và ông H đều đã trưởng thành và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và các con không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Huỳnh Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005711 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Bà Th đã nộp đủ án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Huỳnh Thị Th và ông Huỳnh Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con của bà Th và ông H đều đã trưởng thành và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và các con không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005711 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Bà Th đã nộp đủ án phí theo quy định pháp luật.

5. Báo cho bà Th biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 18/5/2021. Báo cho ông H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THA DS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Văn Hồng Chinh